TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày: 09-02-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Cầm.
2. Ông Hoàng Quốc Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn D - Sinh năm 1995, tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi ĐKHKTT (Nơi cư trú): Thôn Mai Động, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Theo như hồ sơ thể hiện thì nghề nghiệp của bị cáo là Tự do, còn tại phiên tòa bị cáo khai về nghề nghiệp của bị cáo là Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Trần Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-12-2017 cho đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Đình D2; sinh năm: 1972; cư trú tại: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Ông Nguyễn Ngọc C; sinh năm: 1954; cư trú tại: Thôn D1, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

3. Anh Trần Xuân B1; sinh năm: 1963; cư trú tại: Thôn P2, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Anh Dũng, ông Cảnh, anh Bình vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu sài cá nhân nên khoảng tháng 01 năm 2017, Trần Văn D đã vào mạng Internet để học cách chế tạo pháo nổ, với mục đích tự sản xuất pháo nổ bán kiếm lời. Thông qua bạn bè giới thiệu ngày 14-12-2017 có người tên là T ở thị trấn Gôi, huyện V, tỉnh Nam Định (D không biết rõ về địa chỉ cụ thể của T) đến gặp D và đặt mua của D 136 quả pháo nổ loại nhỏ, với giá 6.000đ/quả; 04 quả pháo nổ loại nhỡ, với giá là 80.000đ/quả; 04 quả pháo nổ loại to với giá là 1.000.000đ/quả. T đã đặt trước cho D 1.000.000 đồng và hẹn khi nào D giao đủ số pháo nổ như đã đặt thì sẽ trả nốt số tiền còn lại (hẹn giao pháo vào sáng ngày 16-12-2017). D đồng ý và nhận của T 1.000.000đ. Ngày 15-12-2017, D đã đi xe ôm sang khu vực xã L1, huyện B, tỉnh Hà Nam để tìm và mua được 04 kg que hương tẩm thuốc pháo với giá là 900.000 đồng của một người đàn ông không quen biết rồi quay về nhà và mua được ở cửa hàng tạp hóa ở cùng thôn 15 lọ keo, nhãn hiệu 502; 03 cuộn băng dính màu đen và mua được ở cửa hàng sản xuất bánh đa 01cục than hoa bằng ½ viên gạch đỏ, sau đó D đã nhặt được ở bãi rác và ở đường 01 đoạn gậy gỗ dài 37,5 cm, một đầu đường kính 2,5 cm, một đầu đường kính 1,5 cm; giấy; cuộn bìa cát tông; đất; đá; cát rồi một mình đi bộ mang sang khu vực đường đê Ất Hợi thuộc địa phận thôn P2, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định và một mình tự sản xuất pháo nổ. Sau khi làm xong được 136 quả pháo loại nhỏ; 04 quả pháo loại nhỡ; 01 quả pháo loại to D đã đem cất giấu số pháo đó cùng với những nguyên vật liệu và dụng cụ còn lại tại ruộng ngô ở khu vực đường đê Ất Hợi thuộc địa phận thôn P2, xã M rồi đi bộ về nhà ngủ. Đến khoảng 07 giờ 35 phút ngày 16-12-2017, D điều khiển xe mô tô BKS 90B2- 55802 đi đến chỗ cất giấu ngày hôm trước và một mình tự sản xuất nốt số pháo nổ còn thiếu để kịp giao pháo nổ cho T vào sáng cùng ngày như đã hẹn. Đến khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày khi D vừa tự sản xuất xong số pháo nổ mà T đã đặt trước đó thì bị tổ công tác của Công an huyện V đang làm nhiệm vụ ở khu vực đó phát hiện bắt quả tang. Công an đã thu giữ tại hiện trường 136 quả pháo nổ loại nhỏ, vỏ ngoài mỗi quả pháo cuốn bằng băng dính màu đen; 04 quả pháo nổ loại nhỡ hình trụ, vỏ ngoài cuốn bằng băng dính màu đen, mỗi quả đều có KT dài 15 cm, đường kính 05 cm; 04 quả pháo nổ loại to hình trụ, có 01 quả vỏ ngoài cuốn bằng băng dính màu đen và 03 quả vỏ ngoài cuốn bằng giấy màu vàng, mỗi quả đều có KT dài 26 cm, đường kính 10 cm, niêm phong ký hiệu là A1; 2,1 kg que hương tẩm thuốc pháo, niêm phong ký hiệu là A2; 01 túi ni lông màu hồng bên trong có chứa than củi nghiền nát đã trộn lẫn với thuốc pháo có trọng lượng là 0,2 kg, niêm phong ký hiệu là A3; 01 đoạn gậy gỗ, chiều dài 37,5 cm, một đầu đường kính 2,5 cm, một đầu đường kính 1,5 cm; 01 lọ keo, nhãn hiệu 502; 01 cuộn băng dính màu đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu vàng - đen, số khung 189915, số máy 275812, BKS 90B2-55802 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màn hình cảm ứng, ốp vỏ màu vàng.

Về cách thức sản xuất pháo nổ D khai như sau: Đối với pháo nổ loại nhỏ lấy từ 05 đến 06 que hương tẩm thuốc pháo kết lại với nhau rồi dùng giấy cuốn chặt lại và dùng băng dính cuốn ở bên ngoài, một đầu dùng keo 502 trộn với cát bịt kín lại, còn một đầu để hở khoảng 03 - 04 cm để làm ngòi nổ. Đối với pháo nổ loại

nhỡ và pháo nổ loại to thì cạo thuốc pháo từ các que tẩm thuốc pháo rồi trộn lẫn với than hoa nghiền nhỏ, dùng keo 502 trộn với cát để bịt kín một đầu dưới của ống giấy hình trụ tròn được cuộn bằng giấy hoặc bìa rỗng ở bên trong sau đó dùng giấy mềm lót xuống dưới rồi đổ thuốc pháo đã trộn lẫn với than hoa vào bên trong lõi rỗng của cuộn giấy, sau đó lấy 03 que hương tẩm thuốc pháo cuốn lại với nhau và cho vào đầu trên của ống giấy để làm ngòi nổ rồi dùng keo 502 trộn lẫn với cát để bịt kín đầu trên của quả pháo lại.

Tại bản kết luận giám định số: 6371/C54-P2 ngày 18-12-2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát Bộ Công an kết luận: Mẫu vật có ký hiệu A1 đều là pháo nổ, tổng khối lượng là 10,8 kg, khi đốt thì phát ra tiếng nổ; mẫu vật có ký hiệu A2 đều là que hương phát sáng, tổng khối lượng là 02 kg, khi đốt các que hương cháy và phát ra ánh sáng; mẫu vật có ký hiệu A3 là thuốc pháo có thành phần chính gồm $KCLO_3$ (kali clorat), S (lưu huỳnh), AL (bột nhôm) và C (các bon), tổng khối lượng là 0,16 kg.

Ngày 19-12-2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã quyết định khởi tố vụ án và quyết định khởi tố bị can đối với Trần Văn D về tội "Sản xuất, buôn bán hàng cấm" theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Ngày 19-01-2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án và quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Trần Văn D về tội "Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ" theo quy định tại Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Ngày 08-01-2018, Trần Văn D đã ủy quyền cho bố đẻ của mình là ông Trần Văn Q để ông Q nộp lại số tiền 1.000.000 đồng mà D đã nhận của T đặt trước để mua pháo nổ cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, cùng ngày ông Q đã giao nộp số tiền 1.000.000 đồng cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKSVB ngày 26-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố Trần Văn D về tội "Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ" theo quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn D đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Những người làm chứng trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong giai đoạn điều tra đã có lời khai trình bày về việc được chứng kiến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V thu giữ các vật chứng của vụ án đúng như đã nêu trên.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Văn D về tội "Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ" như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 232, điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 06/2008/TTLT-BCA-

VKSNDTC-TANDTC ngày 25-12-2008 của Bộ Công an; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội "Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ".

- Về hình phạt chính và hình phạt phụ: Phạt bị cáo Trần Văn D từ 14 đến 16 tháng tù và phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng.

+ Tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màn hình cảm ứng, ốp vỏ màu vàng.

+ Tịch thu tiêu hủy 136 quả pháo nổ loại nhỏ; 04 quả pháo nổ loại nhỡ; 04 quả pháo nổ loại to; 02 kg que hương tẩm thuốc pháo; 0,16 kg thuốc pháo mà cơ quan giám định đã hoàn lại những mẫu vật gửi giám định và 01 đoạn gậy gỗ, dài 37,5 cm, một đầu đường kính 2,5 cm, một đầu đường kính 1,5 cm; 01 lọ keo nhãn hiệu 502; 01 cuộn băng dính màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn D 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu vàng - đen, số khung 189915, số máy 275812, BKS 90B2-55802.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về đánh giá chứng cứ của vụ án và xác định tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án chứng minh cho hành vi vi phạm pháp luật của Trần Văn D như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Vật chứng đã thu giữ; Bản kết luận giám định; Lời khai của bị cáo và của người làm chứng tại cơ quan điều tra; Bản kết luận điều tra; Bản cáo trạng cùng các tài liệu, chứng cứ khác....rất phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo D tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Trần Văn D đã tự học cách sản xuất pháo nổ, mục đích để sản xuất pháo nổ bán kiếm lời. Ngày 14-12-2017 có người tên T ở thị trấn Gôi, huyện V, tỉnh Nam Định đặt mua của D 136 quả pháo nổ loại nhỏ; 04 quả pháo nổ loại nhỡ và 04 quả pháo nổ loại to với giá là 5.136.000 đồng và T đặt trước cho D

1.000.000 đồng, hai bên hẹn nhau sáng ngày 16-12-2017 sẽ giao nhận pháo và số tiền còn lại. Ngày 15-12-2017, D đã tự đi mua và tự tìm kiếm được những nguyên liệu, dụng cụ phục vụ cho việc sản xuất pháo nổ gồm que hương tẩm thuốc pháo, keo 502, băng dính, than hoa, gậy gỗ, giấy, cuộn bìa cát tông, đất, đá, cát rồi mang sang khu vực đường đê Ất Hợi thuộc địa phận thôn P2, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định để tự mình sản xuất pháo nổ. Sau khi sản xuất được 136 quả pháo nổ loại nhỏ; 04 quả pháo nổ loại nhỡ và 01 quả pháo nổ loại to thì D đem cất giấu tại ruộng ngô ở khu vực đường đê Ất Hợi thuộc địa phận thôn P2, xã M. Khoảng 07 giờ 35 phút ngày 16-12-2017, D một mình điều khiển xe mô tô đi đến chỗ cất giấu pháo nổ ngày hôm trước và một mình tự sản xuất nốt số pháo còn thiếu so với số lượng pháo nổ mà T đã đặt để kịp giao pháo cho T như đã hẹn. Đến khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày khi D vừa tự sản xuất xong 136 quả pháo nổ loại nhỏ; 04 quả pháo nổ loại nhỡ; 04 quả pháo nổ loại to và chưa kịp giao số pháo nổ đó cho T thì bị Công an huyện V bắt quả tang đã thu giữ tại hiện trường 136 quả pháo nổ loại nhỏ; 04 quả pháo nổ loại nhỡ; 04 quả pháo nổ loại to. Tổng trọng lượng pháo nổ là 10,8 kg; 02 kg que hương tẩm thuốc pháo; 0,16 kg thuốc pháo và 01 đoạn gậy gỗ, dài 37,5 cm, một đầu đường kính 2,5 cm, một đầu đường kính 1,5 cm; 01 lọ keo nhãn hiệu 502; 01 cuộn băng dính màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS 90B2-55802.

Với những hành vi nêu trên của bị cáo D. Căn cứ vào điểm a mục 1 phần III của Thông tư liên tịch số: 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25-12-2008 của Bộ Công an; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ, thuốc pháo thì hành vi đó của bị cáo D đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ" theo quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo D đã xâm phạm tới chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các loại vật liệu nổ và còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo D là rất nguy hiểm cho xã hội nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân: Trước lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự gì.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p

khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[7] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có đủ các điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng là để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp. Về hình phạt phụ (phạt tiền): Bị cáo tự sản xuất pháo nổ mục đích để bán kiếm lời nên cần phải áp dụng hình phạt phụ là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 1.000.000 đồng mà ông Trần Văn Q đã giao nộp cho cơ quan điều tra, số tiền đó do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màn hình cảm ứng, ốp vỏ màu vàng bị cáo đã dùng vào việc phạm tội và vẫn còn giá trị sử dụng nên tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 136 quả pháo nổ loại nhỏ; 04 quả pháo nổ loại nhỡ; 04 quả pháo nổ loại to; 02 kg que hương tẩm thuốc pháo; 0,16 kg thuốc pháo mà cơ quan giám định đã hoàn lại mẫu vật gửi giám định và 01 đoạn gậy gỗ, dài 37,5 cm, một đầu đường kính 2,5 cm, một đầu đường kính 1,5 cm; 01 lọ keo nhãn hiệu 502; 01 cuộn băng dính màu đen đó là vật cấm lưu hành và là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu vàng - đen, số khung 189915, số máy 275812, BKS 90B2-55802 xác định không có liên quan gì đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo D.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với ông Trần Văn Q là người được bị cáo ủy quyền và ông Q đã bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng để giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ông Q đã có đơn đề nghị Tòa án không phải xem xét giải quyết về số tiền đó nên không đưa ông Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[11] Đối với người đàn ông tên là T ở thị trấn Gôi, huyện V, tỉnh Nam Định đã đặt mua pháo nổ của bị cáo D và người đàn ông ở xã L1, huyện B, tỉnh Hà Nam đã bán những que hương tẩm thuốc pháo cho bị cáo D (theo như D khai báo) do D không quen biết và cũng không biết được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những người đó. Quá trình điều tra chưa xác định được những người này nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 232; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội "Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ".

- Xử phạt bị cáo Trần Văn D 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2017.

- Xử phạt tiền bị cáo Trần Văn D 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bị cáo D phải nộp tiền phạt một lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màn hình cảm ứng, ốp vỏ màu vàng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thùng bìa cát tông màu vàng có KT (60x38x23) cm bên trong đựng 136 quả pháo nổ loại nhỏ, vỏ ngoài mỗi quả pháo cuốn bằng băng dính màu đen; 04 quả pháo nổ loại nhỡ hình trụ, vỏ ngoài mỗi quả pháo cuốn bằng băng dính màu đen, mỗi quả đều có KT dài 15 cm, đường kính 05 cm; 04 quả pháo nổ loại to hình trụ, có 01 quả vỏ ngoài cuốn bằng băng dính màu đen và 03 quả vỏ ngoài cuốn bằng giấy màu vàng, mỗi quả đều có KT dài 26 cm, đường kính 10 cm; 02 kg que hương tẩm thuốc pháo; 0,16 kg thuốc pháo cùng toàn bộ vỏ bao gói mà cơ quan giám định đã hoàn lại những mẫu vật gửi giám định và 01 đoạn gậy gỗ, dài 37,5 cm, một đầu đường kính 2,5 cm, một đầu đường kính 1,5 cm; 01 lọ keo, nhãn hiệu 502; 01 cuộn băng dính màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn D 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu vàng - đen, số khung 189915, số máy 275812, BKS 90B2-55802.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản thu giữ ngày 16-12-2017 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01-02-2018; biên lai thu tiền số AA/2010/0004778 ngày 01-02-2018).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng PV 27, PC 81 CA tỉnh NĐ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

Vũ Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân